

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm
phục vụ quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm**

CỤC TRƯỞNG CỤC AN TOÀN THỰC PHẨM

Căn cứ Luật an toàn thực phẩm ngày 17 tháng 6 năm 2010 và Nghị định số 38/2012/NĐ-CP ngày 25 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật an toàn thực phẩm;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 20/2013/TTLT-BYT-BCT-BNNPTNT ngày 01/8/2013 của Bộ Y tế - Bộ Công Thương - Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về Quy định điều kiện, trình tự thủ tục chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước;

Xét hồ sơ đăng ký chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm của Trung tâm Y tế dự phòng Bình Thuận và Biên bản đánh giá cơ sở kiểm nghiệm ngày 25/7/2014;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Quản lý Tiêu chuẩn và Kiểm nghiệm;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chỉ định Trung tâm Y tế dự phòng Bình Thuận

Địa chỉ: đường Lê Duẩn, phường Phú Trinh, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận thực hiện kiểm nghiệm phục vụ quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm đối với các chỉ tiêu kỹ thuật trong Danh mục chỉ tiêu được chỉ định kèm theo Quyết định này.

Mã số cơ sở kiểm nghiệm: **08/2014/BYT-KNTP**

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực ba (03) năm, kể từ ngày ký.

Điều 3. Trung tâm Y tế dự phòng Bình Thuận có trách nhiệm thực hiện công tác kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước khi có yêu cầu và phải tuân thủ các quy định và hướng dẫn của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- BT. Nguyễn Thị Kim Tiến (để b/c);
- TT. Nguyễn Thanh Long (để b/c);
- Vụ KHCN - Bộ CT (để biết);
- Cục QLCLNLS&TS - Bộ NN&PTNT (để biết);
- Sở Y tế các tỉnh, thành phố trực thuộc TƯ;
- Chi cục ATVSTP các tỉnh, thành phố trực thuộc TƯ;
- Lưu: VT, KN.

CỤC TRƯỞNG

Trần Quang Trung



DANH MỤC CHỈ TIÊU ĐƯỢC CHỈ ĐỊNH
(Kèm theo Quyết định số 664/QĐ-ATTP ngày 29 tháng 10 năm 2014 của
Cục An toàn thực phẩm)

TT	Tên chỉ tiêu được chỉ định	Phạm vi áp dụng	Giới hạn phát hiện (nếu có)/phạm vi đo	
			Phương pháp	Giới hạn phát hiện (nếu có)
I	Chỉ tiêu vi sinh vật			
1	Phát hiện và đếm <i>Escherichia coli</i> và vi khuẩn Coliform	Nước khoáng thiên nhiên đóng chai, nước uống đóng chai, nước đá dùng liền	TCVN 6178-1:2009	1 CFU/250 ml
2	Phát hiện và đếm số bào tử vi khuẩn kị khí khử sulfit (<i>Clostridia</i>)		TCVN 6191-2:1996	1 CFU/50 ml
3	Phát hiện và đếm <i>Pseudomonas aeruginosa</i>		TCVN 8881:2011	1 CFU/250 ml
4	Tổng số vi khuẩn hiếu khí	Thực phẩm bổ sung vi chất: sữa, bánh kẹo, nước giải khát, nước mắm	TCVN 4884: 2005	10 CFU/g 1 CFU/ml
5	<i>Staphylococci</i> có phản ứng dương tính với coagulase		TCVN 4830-1: 2005	10 CFU/g 1 CFU/ml
II	Chỉ tiêu hóa lý			
6	Xác định hàm lượng Amoni	Nước uống đóng chai, nước khoáng thiên nhiên đóng chai, nước đá dùng liền	TCVN 5988:1995	0,10 mg/l
7	Xác định hàm lượng Mangan		SMEWW 3500-Mn:2012	0,04 mg/l
8	Xác định hàm lượng Cl ⁻		TCVN 6194:1996	0,35 mg/l
9	Xác định hàm lượng SO ₄ ²⁻		EPA 375.4:78	2,41 mg/l
10	Xác định độ cứng tổng số		SMEWW 2340.C:2012	2,00 mg/l
11	Xác định hàm lượng sắt tổng số		SMEWW 3500-Fe.B:2012	0,03 mg/l
12	Xác định hàm lượng NO ₂ ⁻		TCVN 6178:1996	0,001 mg/l
13	Xác định hàm lượng NO ₃ ⁻		TCVN 6180:1996	0,001 mg/l

Ghi chú:

Phạm vi áp dụng đối với các sản phẩm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước của Bộ Y tế.